TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thương

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST- DS, ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị L, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số I, đường L, tổ F, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số F, đường C, tổ A, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Mai Hữu T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số I, đường L, tổ F, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Hữu T*: Bà Cao Thị L, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số I, đường L, tổ F, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Do là chổ bạn bè nên ngày 06/7/2022 anh Mai Hữu C con ruột của bà Cao Thị L cho anh Nguyễn Thành Đ vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), các bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 07/7/2022, không thỏa thuận trả lãi. Sau khi thỏa thuận, giao tiền anh Đ viết "*Giấy vay tiền*" giao cho anh C cất giữ. Đến ngày 07/7/2022 anh Đ vẫn không hoàn trả cho anh C số tiền đã vay. Ngày 23/11/2022 anh C chết, từ đó đến anh Đ vẫn không hoàn trả số tiền đã vay.

Anh Mai Hữu C chết không để lại di chúc, khi chết chưa có vợ con, còn độc thân. Bà Cao Thị L, ông Mai Hữu T là người thừa kế của anh C. Nên bà L yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Cao Thị L, ông Mai Hữu T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), bà L không có yêu cầu tính lãi; ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ:

Mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có đơn khởi kiện phản tố, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Theo hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện trình bày:

Thống nhất như phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh bút lục số 23 thể hiện:

Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991; có đăng ký thường trú tại tổ A, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay sinh sống tại số nhà F, đường C, tổ A, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại biên bản xác minh bút lục số 25 thể hiện:

Chị Nguyễn Thị Cẩm V là chị gái ruột của anh Nguyễn Thành Đ, trước đây chị V có nhận được các vản bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo lại cho anh Đ đầy đủ, anh Đ biết được việc bà L khởi kiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Cao Thị L, ông Mai Hữu T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Mai Hữu C, sinh năm 1993; con ông Mai Hữu T, bà Cao Thị L. Ông C chưa có vợ, con và chết ngày 23/11/2022, không để lại di chúc. Bà Cao Thị L, ông Mai Hữu T là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên bà L có quyền khởi kiện.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ hiện cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do đương sự cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng các đương sự, người đại diện đều vắng mặt. Tuy nhiên, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự, ngươi đại diện tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Tại đơn khởi kiện và các bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*); để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ "*Giấy vay tiền*". Cùng với việc nộp đơn khởi kiện nguyên đơn đã thực hiện việc sao gửi cho ông Đ; đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ "*Thông báo về việc thụ lý vụ án", "Thông báo kết quả phiên họp"* cho ông Đ. Nhưng ông Đ không phản đối, cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì "G*iấy vay tiền*" có chữ ký của ông Nguyễn Thành Đ do nguyên đơn cung cấp là sự thật không phải chứng minh.

Theo nguyên đơn sau khi ông Đ ghi "Giấy vay tiền" 30.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 07/7/2022 cho đến nay thì không trả được cho ông C số tiền nào khác. Quá trình tố tụng ông Đ không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh sau vay tiền, viết giấy thì ông Đ đã trả cho ông C số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Bà Cao Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[9] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463, 466, 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điêm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2018 và 2020;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị L.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Cao Thị L, ông Mai Hữu T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Cao Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Cao Thị L số tiền 850.000 đồng (*T1 trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014981, ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện của đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Trường